

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/5/2024

V/v: "*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẠCH THÔNG, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Tập
Bà Triệu Thị Hiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Văn Thuận - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc: "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1976. Có mặt

*Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1971. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh P được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương vào khoảng tháng 01 năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức đám cưới, anh P về ở rể tại nhà bố, mẹ đẻ của chị M. Thời gian đầu, chị M và anh P chung sống hạnh phúc, đầu năm

1997 chị M sinh con trai, cuối năm 1997 chị M và anh P ra ở riêng tại thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm, lối sống. Năm 2004, chị M đi xuất khẩu lao động tại Malaysia; năm 2007 chị M về nước và sinh sống tại nhà cùng anh P được khoảng gần 01 (một) tháng lại xảy ra mâu thuẫn, anh P đuổi chị M ra khỏi nhà. Cuối năm 2007, chị M tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Malaysia và sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị M xác định không còn tình cảm với anh P, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh P.

- Về con chung: Chị M và anh P có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 18/4/1997. Con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường và đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2024 anh Nguyễn Văn P trình bày:

- Về hôn quan hệ nhân: Anh P và chị M được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương vào khoảng tháng 01 năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, chị M và anh P chung sống hạnh phúc, đầu năm 1997 chị M sinh con trai tên là Nguyễn Quốc T. Năm 2004, chị M đi xuất khẩu lao động tại Malaysia, từ khi đi xuất khẩu chị M không gửi tiền về nuôi con, cũng không về nhà; anh P và chị M sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh P xác định không còn tình cảm với chị M; nay chị M đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh P, anh P nhất trí.

Trước khi tổ chức đám cưới với chị M và chuyển đến đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; anh P có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Về con chung: Chị M và anh P có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 18/4/1997. Con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường và đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 04/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông ông Hà Duy T1 – Trưởng thôn Khau Ca, xã M, huyện B cung cấp thông tin như sau:

Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn P có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương và chung sống với nhau vào đầu năm 1995. Năm 2004, chị M đi xuất khẩu lao động tại Malaysia, từ khi đi xuất khẩu chị M ít về thăm gia đình. Chị M và anh P có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Quốc T, sinh năm 1997.

Tại biên bản xác minh ngày 13/3/2024 ông Nông Văn T2 - Phó Trưởng Công an xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn cung cấp thông tin như sau:

Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1976 từ khi sinh ra (03/01/1976) đến ngày 19/10/1998 có hộ khẩu thường trú tại: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (cùng hộ khẩu ông Nguyễn Văn V). Ngày 20/10/1998 chị Nguyễn Thị M tách ra khỏi hộ khẩu của ông Nguyễn Văn V nhưng vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Tháng 01 năm 1995, anh Nguyễn Văn P đăng ký tạm trú tại: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (ở cùng hộ khẩu với ông Nguyễn Văn V). Ngày 20/10/1998, anh Nguyễn Văn P tách khẩu ra khỏi hộ khẩu của ông Nguyễn Văn V nhưng vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi thường trú của anh Nguyễn Văn P trước khi chuyển đến thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn là: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Công văn số 31/CV- CAX ngày 02/4/2024 của Công an xã Q về việc cung cấp thông tin, Công an xã Q đã cung cấp thông tin như sau:

Qua tra cứu hồ sơ, tài liệu hiện có tại Công an xã Q không có thông tin tài liệu gì về nhân khẩu Nguyễn Văn P vào thời điểm năm 1998 nhưng qua xác minh thì ông Nguyễn Văn P là người có quê quán gốc tại thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Tại các biên bản xác minh ngày 13/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, Ủy ban nhân dân xã M cung cấp thông tin như sau:

Đầu năm 1995, anh Nguyễn Văn P có chuyển đến và ở cùng chị Nguyễn Thị M tại nhà ông Nguyễn Văn V, trú tại: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn và có 01 con chung tên là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 18/4/1997. Năm 2004 chị M đi xuất khẩu lao động tại Malaysia, thi thoảng mới trở về địa phương mấy ngày rồi lại đi.

Sau khi tra cứu, kiểm tra hồ sơ, sổ sách lưu giữ và sổ đăng ký kết hôn các năm tại UBND xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn không có thông tin đăng ký kết hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn P.

Công văn số 33/UBND-TP ngày 25/3/2024 về việc trả lời xác minh thông tin hộ tịch, Ủy ban nhân dân xã Q cung cấp thông tin như sau:

Qua kiểm tra sổ sách còn lưu giữ của UBND xã Q không còn lưu giữ và không có thông tin kết hôn của anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị M.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, ông Nguyễn Văn V (bố đẻ của chị Nguyễn Thị M) cung cấp thông tin như sau:

Chị M và anh P được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương vào khoảng tháng 01 năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức đám cưới, anh P về ở rể tại nhà ông V. Đầu năm 1997 chị M

sinh con trai; sau đó, chị M và anh P tách khẩu ra ở riêng tại thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Năm 2004, chị M đi xuất khẩu lao động tại Malaysia; năm 2007 chị M về nước và sinh sống tại nhà cùng anh P được khoảng gần 01 (một) tháng lại xảy ra mâu thuẫn, anh P đuổi chị M ra khỏi nhà. Cuối năm 2007, chị M tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Malaysia và sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị M và anh P có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 18/4/1997.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc theo giấy tập, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ Như vậy, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường, đã trưởng thành; chị M và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn P có hộ khẩu thường trú tại: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

- Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn P có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Văn P; do đó, quan hệ pháp luật là “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng”.

- Anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và biết Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ việc “*tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng*” giữa anh P và chị M. Do bận công việc nên anh P không trực tiếp đến tham gia phiên tòa, anh P đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp và Tòa án thu thập, kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Tháng 01 năm 1995 chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn P được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 2004 chị M đi xuất khẩu lao động tại Malaysia, chị M và anh P sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị M yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn P, anh P cũng nhất trí; do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

[3] Về con chung: Chị M và anh P có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 18/4/1997. Con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường, đã trưởng thành; chị M và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Chị M và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị M và anh P xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001252, ngày 04/01/2024 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị M đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND Huyện Bạch Thông;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Huyện Bạch Thông;
- UBND xã Mỹ Thanh;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Thành

